

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/DS-ST
Ngày: 14 / 7 / 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Được;
2. Ông Tô Ngọc Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1955; địa chỉ: số A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Thái Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2021 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H cho rằng, vào ngày

11/01/2020, vợ chồng ông Nguyễn Hữu N, bà Thái Thanh T có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày kể từ ngày vay, lãi suất 4%/tháng. Khi đó, ông N, bà T có lập biên nhận nợ đề ngày 11/01/2020. Đến hạn trả nợ, ông N, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, mặc dù, bà H đã nhiều lần yêu cầu.

Vì vậy, bà H yêu cầu ông N, bà T trả cho bà H số nợ vốn 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 11/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 11/01/2020 có chữ ký, chữ viết đề họ và tên Nguyễn Hữu N, Thái Thanh T (bản photo).

- Ông Nguyễn Hữu N, bà Thái Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Bên cạnh đó, bà H còn khai, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc các bên có thỏa thuận thời hạn vay 15 ngày và lãi suất 4%/tháng. Khi đến hạn trả nợ, do ông N, bà T không trả nợ nên bà H đã yêu cầu trả nợ vào ngày 26/01/2020 và cho thời hạn trả nợ đến ngày 11/02/2020. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định, giải quyết đối với lãi suất và thời hạn tính lãi theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ đề bà H khởi kiện là biên nhận nợ ngày 11/01/2020, có nội dung ông N, bà T có vay của bà H 10.000.000 đồng. Đồng thời, bà H cho rằng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 15 ngày. Tòa án đã tiến hành giao nhận các thủ tục tố tụng, yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông N, bà T không có ý kiến phản hồi. Cho nên, bà H khởi kiện yêu cầu ông N, bà T trả nợ vốn 10.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất, do ông N, bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc ông N, bà T trả cho bà H 10.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phạm Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu N, bà Thái Thanh T trả nợ vay. Ông N, bà T đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông N, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Bà Phạm Thị Mỹ H cho rằng, vào ngày 11/01/2020, ông Nguyễn Hữu N, bà Thái Thanh T có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 15 ngày, lãi suất 4%/tháng. Hai bên có lập biên nhận nợ ngày 11/01/2020 thể hiện việc vay. Từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay, ông N, bà T không trả nợ, mặc dù, bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Tuy nhiên, biên nhận nợ ngày 11/01/2020 có chữ ký, chữ viết đề họ tên bên vay Nguyễn Hữu N, Thái Thanh T, chỉ thể hiện ông N, bà T vay của bà H 10.000.000 đồng; không thể hiện thời hạn vay, lãi suất vay như bà H trình bày. Đồng thời, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khoản vay đang tranh chấp là khoản vay có thỏa thuận thời hạn, có thỏa thuận lãi suất.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có ban hành Thông báo số 27/TB-TA ngày 06/4/2021 yêu cầu ông N, bà T cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ đối với nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông N, bà T không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định, ông N, bà T vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn và chưa thanh toán nợ.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà H yêu cầu ông N, bà T trả cho bà H nợ vốn 10.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 11/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 4%/tháng.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi, xác định lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông N, bà T trả nợ vốn 10.000.000 đồng và nợ lãi với mức lãi suất, thời hạn do pháp luật quy định.

Theo khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Đồng thời, tại phiên tòa, bà H khai lần đầu yêu cầu trả nợ vào ngày 26/01/2020 và cho ông N, bà T trả nợ đến ngày 11/02/2020.

Do đây là khoản vay không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn nên ông N, bà T phải trả tiền lãi kể từ ngày kết thúc thời gian hợp lý mà bà H yêu cầu ông N, bà T trả nợ. Theo đó, tiền lãi mà bên vay phải thanh toán kể từ ngày đến hạn thanh toán 12/02/2020 cho đến ngày 14/7/2021 là:

$$10.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 17,06 \text{ tháng} = 1.421.098 \text{ đồng.}$$

Như vậy, tổng số nợ vốn, lãi mà bên vay còn nợ bên cho vay là 11.421.098 đồng.

Do ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông N, bà T trả nợ vốn và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc ông N, bà T có nghĩa vụ trả cho bà H nợ vay 11.421.098 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà H là 571.055 đồng.

Bà Phạm Thị Mỹ H được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H.

Buộc ông Nguyễn Hữu N, bà Thái Thanh T trả cho bà Phạm Thị Mỹ H số nợ vay 11.421.098 (*mười một triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, không trăm chín mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu N, bà Thái Thanh T phải chịu 571.055 (*năm trăm bảy mươi một nghìn, không trăm năm mươi lăm*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Mỹ H được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phạm Thị Mỹ H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu N, bà Thái Thanh T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình